TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2018/DS-PT
Ngày 27 – 11 – 2018
"V/v:Tranh chấp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Khải

Các Thẩm phán: Ông Dương Quốc Tuấn

Ông Nguyễn Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 86/2018/TLPT-DS, ngày 24 tháng 8 năm 2018 về "Tranh chấp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2018/DS-ST, ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện 3, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 296/2018/QĐPT-DS ngày 22 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị C; Địa chỉ ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Vũ Anh Q – Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Vũ Thanh U; Địa chỉ ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang.

2.2. Ông Bùi Văn Đ; Địa chỉ ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hà Văn T; Địa chỉ ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Vũ Thanh U.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện 3, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Trương Thị C trình bày:

Trong khoảng thời gian từ năm 2008 đến năm 2013, bị đơn là bà Vũ Thanh U và ông Bùi Văn Đ tham gia 12 dây hụi do nguyên đơn làm chủ hụi, trong đó: Hụi tháng, mỗi tháng kêu hụi một lần; Hụi mùa, 04 tháng kêu hụi một lần, cụ thể như sau:

- Hụi tháng:

Dây hụi số 01: Khui ngày 10/6/2012 âm lịch, gồm 21 phần, mỗi phần 1.000.000đ. Bị đơn tham gia 01 phần và đóng hụi sống đến ngày 10/12/2012 âm lịch thì hốt hụi với số tiền là 14.400.000đ (kêu giá 400.000đ), sau đó đóng lại 07 lần hụi chết với số tiền là 7.000.000đ, còn nợ lại 8.000.000đ tiền hụi chết.

Dây hụi số 02: Khui ngày 10/6/2012 âm lịch, gồm 21 phần, mỗi phần 1.000.000đ. Bị đơn tham gia 02 phần và đóng hụi sống đến ngày 10/02/2013 âm lịch thì hốt hụi lần đầu với số tiền là 14.500.000đ (kêu giá 425.000đ); ngày 10/3/2013 âm lịch hốt hụi lần thứ hai với số tiền là 14.375.000đ (kêu giá 475.000đ), sau đó đóng lại hụi chết với số tiền là 9.000.000đ, còn nợ lại 16.000.000đ tiền hụi chết.

Dây hụi số 03: Khui ngày 20/02/2012 âm lịch, gồm 22 phần, mỗi phần 1.000.000đ. Bị đơn tham gia 01 phần và đóng hụi sống đến ngày 20/6/2012 âm lịch thì hốt hụi với số tiền là 13.545.000đ (kêu giá 415.000đ), sau đó đóng lại hụi chết được 13.000.000đ, còn nợ lại 4.000.000đ tiền hụi chết.

Dây hụi số 04: Khui ngày 30/8//2012 âm lịch, gồm 24 phần, mỗi phần 1.000.000đ. Bị đơn tham gia 01 phần và đóng hụi sống đến ngày 30/4/2013 âm lịch thì hốt hụi với số tiền là 16.075.000đ (kêu giá 430.000đ), sau đó đóng lại hụi chết được 3.000.000đ, còn nợ lại 12.000.000đ tiền hụi chết.

Dây hụi số 05: Khui ngày 20/11/2012 âm lịch, gồm 24 phần, mỗi phần 1.000.000đ. Bị đơn tham gia 01 phần và đóng hụi sống đến ngày 20/01/2013 âm lịch thì hốt hụi với số tiền là 13.570.000đ (kêu giá 430.000đ), sau đó đóng lại hụi chết được 6.000.000đ, còn nợ lại 16.000.000đ tiền hụi chết.

Dây hụi số 06: Khui ngày 15/01/2013 âm lịch, gồm 29 phần, mỗi phần 1.000.000đ. Bị đơn tham gia 01 phần và đóng hụi sống đến ngày 15/02/2013 âm lịch thì hốt hụi với số tiền là 14.505.000đ (kêu giá 485.000đ), sau đó đóng lại hụi chết được 5.000.000đ, còn nợ lại 23.000.000đ tiền hụi chết.

- Hụi mùa:

Dây hụi số 07: Khui ngày 06/7/2008 âm lịch, gồm 18 phần, mỗi phần 500.000đ. Bị đơn tham gia 01 phần và đóng hụi sống đến ngày 06/11/2009 âm lịch thì hốt hụi với số tiền là 4.830.000đ (kêu giá 285.000đ), sau đó đóng lại hụi chết được 11 lần với số tiền 5.500.000đ, còn nợ lại 1.000.000đ tiền hụi chết.

Dây hụi số 08: Khui ngày 06/11/2009 âm lịch, gồm 14 phần, mỗi phần 1.000.000đ. Bị đơn tham gia 01 phần và đóng hụi sống đến ngày 06/11/2011 âm lịch thì hốt hụi với số tiền là 9.330.000đ (kêu giá 545.000đ), sau đó đóng lại hụi chết được 05 lần với số tiền 5.000.000đ, còn nợ lại 2.000.000đ tiền hụi chết.

Dây hụi số 09: Khui ngày 15/10/2010 âm lịch, gồm 16 phần, mỗi phần 2.000.000đ. Bị đơn tham gia 01 phần và đóng hụi sống đến ngày 15/02/2012 âm lịch thì hốt hụi với số tiền là 15.670.000đ (kêu giá 1.230.000đ), sau đó đóng lại hụi chết được 04 lần với số tiền 8.000.000đ, còn nợ lại 14.000.000đ tiền hụi chết.

Dây hụi số 10: Khui ngày 06/3/2012 âm lịch, gồm 17 phần, mỗi phần 2.000.000đ. Bị đơn tham gia 01 phần và đóng hụi sống đến ngày 06/7/2013 âm lịch thì hốt hụi với số tiền là 18.000.000đ (kêu giá 1.100.000đ), sau đó không đóng lại hụi chết, còn nợ lại 24.000.000đ tiền hụi chết.

Dây hụi số 11: Khui ngày 06/3/2012 âm lịch, gồm 17 phần, mỗi phần 2.000.000đ. Bị đơn tham gia 01 phần và đóng được 05 lần hụi sống với số tiền là 4.730.000đ, bị đơn chưa hốt hụi.

Dây hụi số 12: Khui ngày 15/02/2011 âm lịch, gồm 15 phần, mỗi phần 2.000.000đ. Bị đơn tham gia 01 phần và đóng được 08 lần hụi sống với số tiền là 7.480.000đ, bị đơn chưa hốt hụi.

Từ dây hụi số 01 đến dây hụi số 10, nguyên đơn không nhớ số tiền hụi sống bị đơn đóng trước khi hốt hụi, tổng cộng 10 dây hụi này bị đơn còn nợ nguyên đơn 120.000.000đ tiền hụi chết. Đối với dây hụi số 11 và dây hụi số 12 tổng số tiền mà bị đơn đã đóng là 12.210.000đ nhưng chưa hốt hụi.

Ngày 06/7/2013 bị đơn có trả cho nguyên đơn 10.000.000đ, số tiền này do ông Hà Văn T trả thay bà U.

Sau khi khấu trừ số tiền hụi sống bị đơn đã đóng tại các dây số 11, 12 là 12.210.000đ và số tiền 10.000.000đ bị đơn đã trả thì bị đơn còn nợ lại nguyên đơn số tiền là 97.790.000đ.

Tất cả các dây hụi trên bị đơn tham gia lấy tên trong danh sách là U. Mỗi lần khui hụi nguyên đơn đều đến địa điểm tại nhà bị đơn, đôi lúc cũng có mặt ông Đ ở nhà và biết việc bà U chơi hụi.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn Vũ Thanh U và Bùi Văn Đ phải liên đới trả cho nguyên đơn số tiền là 97.790.000đ và lãi suất theo luật định kể từ ngày 26/11/2014 âm lịch đến nay.

Tại đơn phản tố ngày 13/11/2017 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn bà Vũ Thanh U trình bày:

Bà U thừa nhận có tham gia 08 dây hụi (gồm 04 dây hụi tháng và 04 dây hụi mùa) do nguyên đơn làm chủ hụi, cụ thể như sau:

- Hụi tháng:

Dây hụi số 01: Khui ngày 10/6/2012 âm lịch, gồm 21 phần, mỗi phần 1.000.000đ. Bị đơn tham gia 01 phần và đã hốt hụi nhưng không nhớ hốt bao nhiêu; bị đơn đã đóng hụi chết đến tháng 11/2013, còn nợ lại 4.000.000đ tiền hụi chết.

Dây hụi số 02: Khui cùng ngày 10/6/2012 âm lịch, gồm 21 phần, mỗi phần 1.000.000đ. Bị đơn tham gia 02 phần và đã hốt hụi cả hai phần nhưng không nhớ hốt bao nhiêu; bị đơn đã đóng hụi chết đến tháng 11/2013, còn nợ lại 8.000.000đ tiền hụi chết.

Dây hụi số 05: Khui ngày 20/11/2012 âm lịch, gồm 24 phần, mỗi phần 1.000.000đ. Bị đơn tham gia 01 phần và đã hốt hụi nhưng không nhớ hốt bao nhiêu; bị đơn đã đóng hụi chết đến tháng 11/2013, còn nợ lại 11.000.000đ tiền hụi chết.

Dây hụi số 06: Khui ngày 15/01/2013 âm lịch, gồm 29 phần, mỗi phần 1.000.000đ. Bị đơn tham gia 01 phần và đã hốt hụi và còn nợ lại 18.000.000đ tiền hụi chết.

- Hụi mùa:

Dây hụi số 07: Không nhớ ngày khui hụi và bao nhiêu phần, chỉ nhớ mỗi phần 500.000đ. Bị đơn tham gia 01 phần và đã hốt hụi nhưng không nhớ hốt được bao nhiêu và đóng lại hụi chết bao nhiêu, chỉ nhớ còn nợ lại 1.000.000đ tiền hụi chết.

Dây hụi số 08: Không nhớ ngày khui hụi và bao nhiêu phần, chỉ nhớ mỗi phần 1.000.000đ. Bị đơn tham gia 01 phần và đã hốt hụi nhưng không nhớ hốt được bao nhiêu và đóng lại hụi chết bao nhiêu, chỉ nhớ còn nợ lại 1.000.000đ tiền hụi chết.

Riêng các dây hụi số 03, 04, 09 và 10 theo lời trình bày của nguyên đơn thì bị đơn không thừa nhận có tham gia.

Ngoài ra bị đơn còn tham gia 02 dây hụi mùa do nguyên đơn làm chủ hụi, mỗi dây bị đơn tham gia 02 phần, trong đó mỗi dây đều đã hốt 01 phần, còn 01 phần chưa hốt, cụ thể là:

Dây thứ nhất: Khui ngày 15/3/2009 âm lịch, không nhớ bao nhiêu phần, chỉ nhớ mỗi phần là 2.000.000đ. Bị đơn tham gia 02 phần, hốt 01 phần nhưng không nhớ bao nhiêu và đã đóng lại bao nhiêu, chỉ nhớ còn nợ lại 6.000.000đ tiền hụi chết; còn lại 01 phần bị đơn đã đóng 13 lần với số tiền 26.000.000đ nhưng chưa hốt hụi.

Dây thứ hai: Khui ngày 06/3/2009 âm lịch, không nhớ bao nhiêu phần, chỉ nhớ mỗi phần là 2.000.000đ. Bị đơn tham gia 02 phần, hốt 01 phần nhưng không nhớ bao nhiêu và đã đóng lại bao nhiêu, chỉ nhớ còn nợ lại 6.000.000đ tiền hụi chết; còn lại 01 phần bị đơn đã đóng 13 lần với số tiền 26.000.000đ nhưng chưa hốt hụi.

Đối với 02 dây hụi này, bị đơn không có giấy tờ chơi hụi nên không biết có ai cùng tham gia, đồng thời cũng không có chứng cứ nào khác để chứng minh.

Bị đơn cho rằng tổng cộng các dây hụi, bị đơn còn nợ nguyên đơn 55.000.000đ tiền hụi chết, ngược lại nguyên đơn còn nợ bị đơn trong 02 dây hụi ngày 15/3/2009 âm lịch và ngày 06/3/2009 âm lịch là 52.000.000đ và số tiền 10.000.000đ ông Hà Văn T đã trả cho nguyên đơn là 62.000.000đ nên sau khi khấu trừ số tiền bị đơn nợ nguyên đơn thì nguyên đơn nợ lại bị đơn số tiền là 7.000.000đ. Do đó, bị đơn không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn và yêu cầu nguyên đơn trả cho bị đơn số tiền là 7.000.000đ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/12/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn T trình bày: Do trước đó ông có nợ bà U số tiền là 10.000.000đ, đồng thời bà U có nợ tiền hụi của bà C nên giữa ông, bà U và bà C cùng thống nhất chuyển giao số nợ này cho bà C nên thay vì trả nợ cho bà U, ông đã đứng ra trả nợ cho bà C số tiền là 10.000.000đ, xem như ông đã trả nợ xong cho bà U nên ông không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại Bản án sơ thẩm số 68/2018/DS-ST, ngày 18/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện 3, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

1. Buộc bà Vũ Thanh U có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị C số tiền là 69.241.262đ, trong đó tiền gốc là 47.350.000đ, tiền lãi là 21.891.262đ.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị C đối với việc đòi bà Vũ Thanh U và ông Bùi Văn Đ trả số nợ chênh lệch còn lại là 50.440.000đ và đòi ông Bùi Văn Đ liên đới trả nợ.

3. Bác yêu cầu phản tố của bà Vũ Thanh U về việc đòi bà Trương Thị C trả số tiền chênh lệch là 7.000.000đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018 bị đơn bà Vũ Thanh U kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc nguyên đơn phải trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 7.000.000đ.

Ngày 02 tháng 7 năm 2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện 3, tỉnh Hậu Giang có Quyết định kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị đối với Bản án số 68/2018/DS-ST ngày 18/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện 3 về phần đánh giá chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án chưa đảm bảo quyền

và lợi ích cho các đương sự và tính lãi hụi chưa đúng quy định, đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Viện kiểm sát giữ nguyên kháng nghị.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, ông Vũ Anh Q trình bày:

Phần yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở vì trong biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân xã 2, bị đơn thừa nhận có nợ. Bị đơn cho rằng nguyên đơn còn nợ lại 52.000.000đ hụi sống nhưng bị đơn không khấu trừ 02 dây hụi chết mỗi dây 6.000.000đ là mâu thuẫn.

Ngoài ra, lời trình bày của các nhân chứng đã khẳng định bị đơn có chơi các dây hụi do nguyên đơn khui.

Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát cho rằng cách tính lãi của cấp sơ thẩm tính lãi trên hụi thực tế đóng mà không phải là lãi của hụi chết là làm thiệt thòi quyền lợi của nguyên đơn, nhưng do vụ án đã kéo dài quá lâu nên nguyên đơn vẫn thống nhất với phán quyết của bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử y án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát và chấp nhận một phần kháng cáo của bà Vũ Thanh U, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Trương Thị C khởi kiện và cho rằng trong khoảng thời gian từ năm 2008 đến năm 2013 vợ chồng bà Vũ Thanh U và ông Bùi Văn Đ có tham gia nhiều dây hụi do bà C làm chủ hụi. Sau khi hốt các phần hụi thì bà U và ông Đ không đóng đủ các phần hụi chết. Do đó, bà C khởi kiện yêu cầu bà U và ông Đ phải trả tiền hụi chết còn nợ là 97.790.000đ và lãi suất theo quy định từ ngày 26/11/2014 âm lịch cho đến nay. Cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án theo quan hệ pháp luật về "Tranh chấp hụi" là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm bị đơn Vũ Thanh U vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, Viện kiểm sát giữ nguyên yêu cầu kháng nghị.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] *Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn trình bày:* bị đơn tham gia 12 dây hụi; Trong đó, có 10 dây hụi chết bị đơn còn nợ lại 120.000.000đ và đã trả được 21.210.000đ (gồm 10.000.000đ cấn trừ nợ từ ông Hà Văn T và 12.210.000đ tiền hụi sống chưa hốt), bị đơn còn nợ lại 97.790.000đ. Nguyên đơn trình bày nhưng chỉ cung cấp sổ hụi do nguyên đơn tự viết và không được bị đơn thừa nhận toàn bộ mà chỉ thừa nhận nợ hụi chết là 55.000.000đ và cho rằng nguyên đơn còn nợ 02 phần hụi sống đã đóng được 52.000.000đ. Nguyên đơn thì không thừa nhận trình bày của bị đơn và chỉ thừa nhận nợ hụi sống của bị đơn 2 phần là 12.210.000đ.

Hội đồng xét xử xét thấy, lời trình bày của các bên không thống nhất nhau, và không đương sự nào thừa nhận lời trình bày của bên kia; nguyên đơn và bị đơn chỉ thừa nhận một phần nợ của nhau, nhưng đều không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, nên lời trình bày của các bên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét. Tuy nhiên, căn cứ lời trình bày của các đương sự đã được thu thập trong hồ sơ và cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự thừa nhận; Bị đơn thừa nhận nợ của nguyên đơn 55.000.000đ; Nguyên đơn thừa nhận bị đơn còn hụi sống chưa hốt là 12.210.000đ và đã trả được 10.000.000đ nên thừa nhận của các bên là chứng cứ giải quyết theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Như vậy, nghĩa vụ nợ được đối trừ như sau:

Bị đơn nợ 55.000.000đ – (Hụi sống 12.210.000đ + T trả 10.000.000đ) = 32.790.000đ.

[3.2] Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP thì *"Trong trường hợp thành viên không góp phần họ, chủ họ đã góp các phần họ thay cho thành viên đó thì thành viên phải trả cho chủ họ các phần họ chậm trả và khoản lãi đối với các phần họ chậm trả"*; trong khi đó nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh được thời điểm đóng hụi chết thay cho bà U theo từng dây hụi, thời gian và chứng cứ chứng minh chưa được bị đơn thừa nhận nên không có cơ sở xem xét tính lãi cho nguyên đơn.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Vũ Thanh U và chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát.

[5] Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn, giảm án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thượng vụ Quốc hội miễn toàn bộ án phí cho nguyên đơn; Bị đơn phải chịu án phí 5% giá ngạch đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn là: 32.790.000đ x 5% = 1.640.000đ

- Án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 474 và Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Vũ Thanh U.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện 3, tỉnh Hậu Giang.

Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị C. Buộc bà Vũ Thanh U trả cho bà Trương Thị C số tiền 32.790.000đ *(Ba mươi hai triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng).*

Kể từ ngày nguyên đơn Trương Thị C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn Vũ Thanh U chậm trả số tiền trên thì hàng tháng bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định của Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn toàn bộ án phí cho nguyên đơn; Bị đơn bà Vũ Thanh U phải chịu 1.640.000đ *(Một triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng)*, bà U được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0013051 ngày 13/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Bà U còn phải nộp thêm 1.340.000đ *(Một triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng)*.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu. Bà Vũ Thanh U được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0016630 ngày 29/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện 3, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 27/11/2018.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện 3;
- Chi cục THADS huyện 3;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Hoàng Khải